TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1035/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 857/2026/HNST ngày 08 tháng 05 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Huỳnh Mai N, sinh năm 2006; CCCD số: 086306002109; Địa chỉ cư trú: Số XX đường C, Khu phố F, Phường B, Thành phố H;

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế Hoàng A, sinh năm 2005; CCCD số: 038205000023; Địa chỉ cư trú: Số XY đường B, Khu phố S, Phường A, Thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 05 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 05 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Huỳnh Mai N, sinh năm 2006 (CCCD số: 086306002109) và ông Nguyễn Thế Hoàng A, sinh năm 2005 (CCCD số: 038205000023) thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2025 ngày 08/08/2025 của Ủy ban nhân dân Phường A, Thành phố H không còn giá trị pháp luật kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

1.2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Huỳnh Mai N được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thế Minh T (nam), sinh ngày 17/7/2025.

Bà Nguyễn Huỳnh Mai N có quyền yêu cầu ông A cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của bà N.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. bà N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông A.

Trường hợp ông A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông A.

Trong trường hợp bà N không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông A hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. *Về nghĩa vụ và phương thức cấp dưỡng*: ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Huỳnh Mai N, không yêu cầu ông A cấp dưỡng;

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. *Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng do bà Nguyễn Huỳnh Mai N tự nguyện nộp nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027504 ngày 05/05/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Huỳnh Mai N số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027504 ngày 05/05/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV9-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND đã thực hiện việc dăng ký kết hôn để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Oánh